

Bản án số: 43/2019/KDTM-ST

Ngày: 28.6.2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh T Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-KT ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 05 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST-KDTM ngày 7 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh V.

Trụ sở: Lầu 6, số 9-19, Đường H, phường N, Quận I, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Lâm Hoàng T, sinh năm 1992; địa chỉ: Lầu 6, số 9-19, Đường H, phường N, Quận I, Thành phố H (Văn bản ủy quyền số 60/GUQ-HĐQT ngày 25/12/2018) (vắng mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần N

Trụ sở: 39 Đường H1, phường A, quận T, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/7/2010, nguyên đơn công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh V (kể từ sau gọi là công ty V) và bị đơn công ty cổ phần N (kể từ sau gọi là công ty N) ký hợp đồng mua bán số 221-10/HĐMB-C&T-PKD4 về việc mua bán V. Theo đó, công ty V sẽ cung cấp sản phẩm là thép các loại cho công ty N. Thực hiện hợp đồng, công ty V đã cung cấp cho công ty V các loại thép và V theo thỏa thuận. Tuy nhiên, công ty V không thực hiện đúng cam kết về việc T toán tiền cho công ty V. Tính đến ngày 30/9/2018 công ty N còn nợ công ty V số tiền 6.853.808.131 đồng. Công ty V đã nhiều lần làm việc đề nghị công ty N T toán nợ nhưng công ty N vẫn không thực hiện nghĩa vụ T toán. Do đó, công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc công ty N phải trả ngay làm một lần cho công ty V số tiền 6.853.808.131 đồng và không yêu cầu tính lãi do chậm T toán kể từ ngày 01/10/2018.

Bị đơn, công ty cổ phần N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về việc khởi kiện vụ án của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn, công ty cổ phần N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Pháp luật về tố tụng:

Nguyên đơn – Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh V khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn công ty cổ phần N. Bị đơn, công ty N có trụ sở tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện nguyên đơn ông Lâm Hoàng T có đơn xin vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, công ty cổ phần N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc công ty N thanh toán số tiền 6.853.808.131 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2018 và yêu cầu công ty N thanh toán làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu công ty N phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày ký biên bản đối chiếu công nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Căn cứ hợp đồng mua bán số 221-10/HĐMB-C&T – PKD4 ký ngày 19/7/2010 giữa công ty cổ phần V và công ty N thể hiện công ty V cung cấp thép các loại cho công ty N.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2018, căn cứ Bảng tính lãi công nợ quá hạn ngày 30/9/2018 giữa công ty V và công ty N. Theo các biên bản trên đại diện theo pháp luật của công ty N ký xác nhận còn nợ công ty V số tiền 6.854.105.991 đồng. Tuy nhiên, công ty V chỉ yêu cầu thanh toán số tiền nợ 6.853.808.131 đồng là có lợi cho công ty N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của công ty V là có căn cứ. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu công ty N phải trả tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/10/2018.

Do công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho công ty V nên cần buộc công ty N thanh toán ngay số tiền trên làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Trường hợp, công ty N chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Công ty N có nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ cho công ty V nên phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho công ty cổ phần V đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 24 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn, Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh V:

Buộc Công ty cổ phần N có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh V số tiền còn nợ là 6.853.808.131 (sáu tỷ tám trăm năm mươi ba triệu tám trăm lẻ tám ngàn một trăm ba mươi một) đồng

Phương thức và thời hạn trả: Trả làm một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp, công ty N chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 114.853.808 đồng (một trăm mười bốn triệu tám trăm năm mươi ba ngàn tám trăm lẻ tám) đồng do Công ty cổ phần N phải chịu.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.426.904 đồng (năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm lẻ bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037865 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thế Anh được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q.T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Út

